

Post: Contact:
Air Navigation Department
119 Nguyen Son Str.,
Bo De Ward,
Ha Noi, Viet Nam
Tel: +84 24 38274191
Fax: +84 24 38274194
E-mail: and@caa.gov.vn
Web: http://caa.gov.vn

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM



AIP SUP
33/26
Có hiệu lực từ
Effective from
30 JUN 2026
Được xuất bản vào
Published on
12 JUN 2026

ĐƯA VÀO KHAI THÁC CÁC VỊ TRÍ ĐỖ, PHƯƠNG THỨC KHAI THÁC, VẬN HÀNH TÀU BAY TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CÁT BI (VVCi)

1 GIỚI THIỆU

Ngày 11/6/2025, tập bổ sung AIP SUP 15/25 đã được phát hành để thông báo về việc điều chỉnh, đổi tên và phương thức khai thác các vị trí đỗ tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi (VVCi).

Tập bổ sung AIP này nhằm thông báo về các nội dung sau:

- 1.1 Đưa vào khai thác các vị trí đỗ; tọa độ, phương thức khai thác các vị trí đỗ, phương thức vận hành tàu bay.
- 1.2 Điều chỉnh chỉ số phân cấp mặt đường lăn, sân đỗ; hệ số ma sát đường CHC; mô tả điểm hot spot.

2 CHI TIẾT

2.1 Tọa độ, phương thức khai thác các vị trí đỗ, phương thức vận hành tàu bay

2.1.1 Tọa độ các vị trí đỗ

OPERATION OF AIRCRAFT STANDS, AIRCRAFT OPERATIONAL PROCEDURES AT CAT BI INTERNATIONAL AIRPORT (VVCi)

1 INTRODUCTION

On 11 JUN 2025, AIP SUP 15/25 was published to notify the adjustment, renaming and operational procedures of aircraft stands at Cat Bi International Airport (VVCi).

This AIP Supplement issues notification of the following contents:

- 1.1 Operation of stands; coordinates, operational procedures of stands, aircraft operational procedures.
- 1.2 Adjustment of Pavement Classification Rating (PCR) for TWY, apron; friction coefficients of RWY, hot spot description.

2 DETAILS

2.1 Coordinates, operational procedures for stands, aircraft operational procedures

2.1.1 Coordinates of aircraft stands

Vị trí đỗ Stands	Tọa độ Coordinates		MSL (M)
1A	204905.55N	1064315.49E	1.790
1B	204905.34N	1064314.95E	1.833
1C	204905.20N	1064314.50E	1.832
1D	204905.06N	1064314.04E	1.873
1E	204904.92N	1064313.58E	1.900
1F	204904.79N	1064313.12E	1.925
1	204913.11N	1064314.60E	2.415
2	204913.27N	1064315.16E	2.418
3	204913.65N	1064316.42E	2.389
4	204914.06N	1064317.80E	2.373
5	204914.19N	1064318.23E	2.371
6	204914.80N	1064320.24E	2.380
7	204915.24N	1064321.72E	2.421
8	204915.68N	1064323.20E	2.409
9	204916.13N	1064324.69E	2.397
10	204916.72N	1064326.64E	2.404
11	204916.94N	1064327.38E	2.392
12	204917.11N	1064327.96E	2.429

Vị trí đỗ Stands	Toạ độ Coordinates	MSL (M)
13	204916.95N 1064329.64E	2.546
14	204917.70N 1064329.75E	2.452
15	204917.38N 1064331.08E	2.535
16	204918.46N 1064332.29E	2.470
17	204918.98N 1064334.20E	2.466
18	204919.42N 1064335.68E	2.450
19	204919.99N 1064337.58E	2.143
20	204920.43N 1064339.06E	2.279
21	204920.88N 1064340.54E	2.410

2.1.2 Phương thức khai thác các vị trí đỗ

2.1.2 Operational procedures for stands

Vị trí đỗ Aircraft stand	Năng lực khai thác các vị trí đỗ tàu bay và phương thức kéo/đẩy tàu bay ra vào sân đỗ <i>Operational capability of aircraft stands and towing/pushing procedures</i>	Hạn chế khai thác <i>Operational limitations</i>
1	Sử dụng cho tàu bay code C và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M và tương đương trở xuống. Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây. Used for aircraft code C and equivalent, wingspan up to but not including 36 M. Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West.	– Khai thác vị trí đỗ 1 thì không khai thác vị trí đỗ 2. – Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn A, mũi tàu quay hướng Tây. – Operate stand 1, do not operate stand 2. – Aircraft are pushed/towed from stand to taxilane A, the nose of aircraft face West.
2	Sử dụng cho tàu bay code E và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 65 M và tương đương trở xuống. Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây Used for aircraft code E and equivalent, wingspan up to but not including 65 M. Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West.	– Khai thác vị trí đỗ 2 thì không khai thác vị trí đỗ 1 và 3. – Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn A, mũi tàu quay hướng Tây. – Operate stand 2, do not operate stands 1 and 3. – Aircraft are pushed/towed from stand to taxilane A, the nose of aircraft face West.
3	Sử dụng cho tàu bay code C và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M và tương đương trở xuống. Phương thức kéo đẩy: – Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây; hoặc – Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Đông. Used for aircraft code C and equivalent, wingspan up to but not including 36 M. Towing/pushing procedures: – Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West; or – Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face East	– Khai thác vị trí đỗ 3 thì không khai thác vị trí đỗ 2 và 4. – Operate stand 3, do not operate stands 2 and 4.
4	Sử dụng cho tàu bay code E và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 65 M và tương đương trở xuống. Phương thức kéo đẩy: – Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây; hoặc – Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Đông Used for aircraft code E and equivalent, wingspan up to but not including 65 M. Towing/pushing procedures: – Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West; or – Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face East	– Khai thác vị trí đỗ 4 thì không khai thác vị trí đỗ 3 và 5. – Operate stand 4, do not operate stands 3 and 5.

<i>Vị trí đỗ Aircraft stand</i>	<i>Năng lực khai thác các vị trí đỗ tàu bay và phương thức kéo/đẩy tàu bay ra vào sân đỗ Operational capability of aircraft stands and towing/pushing procedures</i>	<i>Hạn chế khai thác Operational limitations</i>
5	Sử dụng cho tàu bay code C và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M và tương đương trở xuống. Phương thức kéo đẩy: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Đông Used for aircraft code C and equivalent, wingspan up to but not including 36 M. Towing/pushing procedures: - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West; or - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face East	- Khai thác vị trí đỗ 5 thì không khai thác vị trí đỗ 4. - Operate stand 5, do not operate stand 4.
6	Sử dụng cho tàu bay code C và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M và tương đương trở xuống. Phương thức kéo đẩy: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Đông Used for aircraft code C and equivalent, wingspan up to but not including 36 M. Towing/pushing procedures: - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face East	
7	Sử dụng cho tàu bay code C và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M và tương đương trở xuống. Phương thức kéo đẩy: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Đông Used for aircraft code C and equivalent, wingspan up to but not including 36 M. Towing/pushing procedures: - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West; or - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face East	Khi khai thác tàu bay có sải cánh nhỏ hơn 36 M và chiều dài thân nhỏ hơn 40 M mà không có cần kéo đẩy phù hợp thì khai thác tàu bay tại vị trí vạch dừng bánh mũi cho tàu bay vận hành theo phương thức tự lăn vào, tự lăn ra qua vị trí đỗ 8 với các điều kiện: - Không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 6 và 8. - Xe và trang thiết bị không được hoạt động, dừng hoặc đỗ trong các khu vực hoặc đường công vụ bị ảnh hưởng từ luồng khí thổi từ động cơ của tàu bay tự lăn ra và phải đảm bảo khoảng cách an toàn đến tàu bay theo quy định. When operating aircraft with wingspan up to but not including 36 M and the length up to but not including 40 M without suitable tow bar, operate aircraft at the stop line of the aircraft, only used for aircraft following self-taxi in and out procedures cross stand 8 with the following limited conditions: - There is no aircraft parking at stands 6 and 8. - Vehicle and equipment are not allowed to operate, stop or park in areas or service roads affected by the airflow from the engines of self-taxiing aircraft and must ensure a safe distance to the aircraft in accordance with regulations.
8	Sử dụng cho tàu bay code C và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M và tương đương trở xuống. Phương thức kéo đẩy: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Đông Used for aircraft code C and equivalent, wingspan up to but not including 36 M. Towing/pushing procedures: - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West; or - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face East	

Vị trí đỗ Aircraft stand	Năng lực khai thác các vị trí đỗ tàu bay và phương thức kéo/đẩy tàu bay ra vào sân đỗ <i>Operational capability of aircraft stands and towing/pushing procedures</i>	Hạn chế khai thác <i>Operational limitations</i>
9	Sử dụng cho tàu bay code C và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M và tương đương trở xuống. Phương thức kéo đẩy: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Đông Used for aircraft code C and equivalent, wingspan up to but not including 36 M. Towing/pushing procedures: - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West; or - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face East	Khi khai thác tàu bay có sải cánh nhỏ hơn 36 M và chiều dài thân nhỏ hơn 40 M mà không có cần kéo đẩy phù hợp thì khai thác tàu bay tại vị trí vạch dừng bánh mũi dành riêng cho tàu bay vận hành theo phương thức tự lăn vào, tự lăn ra qua vị trí đỗ 8 với các điều kiện: - Không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 8 và 10. - Xe và trang thiết bị không được hoạt động, dừng hoặc đỗ trong các khu vực hoặc đường công vụ bị ảnh hưởng từ luồng khí thổi từ động cơ của tàu bay tự lăn ra và phải đảm bảo khoảng cách an toàn đến tàu bay theo quy định. When operating aircraft with wingspan up to but not including 36 M and the length up to but not including 40 M without suitable tow bar, operate aircraft at the stop line of the aircraft, only used for aircraft following self-taxi in and out procedures cross stand 8 with the following limited conditions: - There is no aircraft parking at stands 8 and 10. - Vehicle and equipment are not allowed to operate, stop or park in areas or service roads affected by the airflow from the engines of self-taxiing aircraft and must ensure a safe distance to the aircraft in accordance with regulations.
10	Sử dụng cho tàu bay code C và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M và tương đương trở xuống. Phương thức kéo đẩy: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Đông Used for aircraft code C and equivalent, wingspan up to but not including 36 M. Towing/pushing procedures: - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West; or - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face East	Khi khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 10 thì không khai thác đỗ tàu bay tại vị trí đỗ 11. Khi khai thác tàu bay có sải cánh nhỏ hơn 36 M và chiều dài thân nhỏ hơn 40 M mà không có cần kéo đẩy phù hợp thì khai thác tàu bay tại vị trí vạch dừng bánh mũi dành riêng cho tàu bay vận hành theo phương thức tự lăn vào, tự lăn ra qua vị trí đỗ 12 với các điều kiện: - Không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 9, 11, 12. - Xe và trang thiết bị không được hoạt động, dừng hoặc đỗ trong các khu vực hoặc đường công vụ bị ảnh hưởng từ luồng khí thổi từ động cơ của tàu bay tự lăn ra và phải đảm bảo khoảng cách an toàn đến tàu bay theo quy định. - Cần cảnh giới khoảng cách an toàn đến đầu mút cánh tàu bay khi khai thác vị trí đỗ 14 cho tàu bay code E (tàu bay có sải cánh đến dưới 65 M như A350, B787). Operate aircraft at stand 10, do not operate at stand 11. When operating aircraft with wingspan up to but not including 36 M and the length up to but not including 40 M without suitable tow bar, operate aircraft at the stop line of the aircraft, only used for aircraft following self-taxi in and out procedures cross stand 12 with the following conditions: - There is no aircraft parking at stands 9, 11, 12. - Vehicle and equipment are not allowed to operate, stop or park in areas or service roads affected by the airflow from the engines of self-taxiing aircraft and must ensure a safe distance to the aircraft in accordance with regulations. - It is necessary to keep a safe distance to the wingtip of the aircraft when operating stand 14 for aircraft code E (aircraft with wingspan up to but not including 65 m such as A350, B787).

<i>Vị trí đỗ Aircraft stand</i>	<i>Năng lực khai thác các vị trí đỗ tàu bay và phương thức kéo/đẩy tàu bay ra vào sân đỗ Operational capability of aircraft stands and towing/pushing procedures</i>	<i>Hạn chế khai thác Operational limitations</i>
11	Sử dụng cho tàu bay code E và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 65 M và tương đương trở xuống. Phương thức kéo đẩy: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Đông Used for aircraft code E and equivalent, wingspan up to but not including 65 M. Towing/pushing procedures: - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West; or - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face East	Khi khai thác tàu bay code E tại vị trí đỗ 11: - Không khai thác đỗ tàu bay tại vị trí đỗ 10, 12. - Cần cảnh giới đầu cánh tàu bay khi khai thác đồng thời 2 tàu bay code E và tương đương (như A350, B787) tại vị trí đỗ 11 và 14. - Cần cảnh giới đầu cánh tàu bay khi khai thác tàu bay code C và tương đương trở xuống (như A320, A321) tại vị trí đỗ 13. Operate aircraft code E at stand 11: - Do not operate aircraft at stands 10, 12. - It is necessary to keep a safe distance to the wingtip of the aircraft when simultaneously operating 2 aircrafts code E (such as A350, B787) and equivalent at stands 11 and 14. - It is necessary to keep a safe distance to the wingtip of the aircraft when operating aircraft up to code C (such as A320, A321) and equivalent at stand 13.
12	Sử dụng cho tàu bay code C và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M và tương đương trở xuống. Phương thức kéo đẩy: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Đông Used for aircraft code C and equivalent, wingspan up to but not including 36 M. Towing/pushing procedures: - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West; or - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face East	Khi khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 12 thì không khai thác đỗ tàu bay tại vị trí đỗ 11. Operate aircraft at stand 12, do not operate aircraft at stand 11.
13	Sử dụng cho tàu bay code C và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M và tương đương trở xuống. Phương thức kéo đẩy: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Đông Used for aircraft code C and equivalent, wingspan up to but not including 36 M. Towing/pushing procedures: - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West; or - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face East	Khi khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 13: - Không khai thác đỗ tàu bay tại vị trí đỗ 14. - Cần cảnh giới đầu cánh tàu bay khi khai thác tàu bay có sải cánh đến dưới 65 M (như A350, B787) tại vị trí đỗ 11. Operate aircraft at stand 13: - Do not operate aircraft at stand 14. - It is necessary to keep a safe distance to the wingtip of the aircraft when operating aircraft with wingspan up to but not including 65 M (such as A350, B787) at stand 11.
14	Sử dụng cho tàu bay code E và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 65 M và tương đương trở xuống. Phương thức kéo đẩy: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Đông Used for aircraft code E and equivalent, wingspan up to but not including 65 M. Towing/pushing procedures: - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West; or - Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face East	Khi khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 14: - Không khai thác đỗ tàu bay tại vị trí đỗ 13, 15. - Cần cảnh giới đầu cánh tàu bay khi khai thác đồng thời 3 tàu bay code E (tàu bay có sải cánh đến dưới 65 M như A350, B787) tại các vị trí đỗ 11, 14 và 16. Operate aircraft at stand 14: - Do not operate aircraft at stands 13, 15. - It is necessary to keep a safe distance to the wingtip of the aircraft when simultaneously operating 3 aircrafts code E (aircraft with wingspan up to but not including 65 M such as A350, B787) at stands 11, 14 and 16.

<i>Vị trí đỗ Aircraft stand</i>	<i>Năng lực khai thác các vị trí đỗ tàu bay và phương thức kéo/đẩy tàu bay ra vào sân đỗ Operational capability of aircraft stands and towing/pushing procedures</i>	<i>Hạn chế khai thác Operational limitations</i>
15	Sử dụng cho tàu bay code C và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M và tương đương trở xuống. Phương thức kéo đẩy: – Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây; hoặc – Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Đông Used for aircraft code C and equivalent, wingspan up to but not including 36 M. Towing/pushing procedures: – Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West; or – Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face East	Khi khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 15: – Không khai thác đỗ tàu bay tại vị trí đỗ 14. – Không khai thác tàu bay có sải cánh ≥ 36 M tại vị trí đỗ 16. Operate aircraft at stand 15: – Do not operate aircraft at stand 14. – Do not operate aircraft with wingspan ≥ 36 M at stand 16.
16	Sử dụng cho tàu bay code E và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 65 M và tương đương trở xuống. Phương thức kéo đẩy: – Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Tây; hoặc – Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ ra vệt lăn, mũi tàu quay hướng Đông Used for aircraft code E and equivalent, wingspan up to but not including 65 M. Towing/pushing procedures: – Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face West; or – Aircraft are towed/pushed from stand to taxilane, the nose of the aircraft face East	Khi khai thác vị trí đỗ 16 cho tàu bay có sải cánh đến dưới 65 M (như A350, B787) thì không khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 15, 17. Operate aircraft with wingspan up to but not including 65 M (such as A350, B787) at stand 16, do not operate aircraft at stands 15, 17.
17	Sử dụng cho tàu bay code C và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M và tương đương trở xuống. Used for aircraft code C and equivalent, wingspan up to but not including 36 M.	Khi khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 17: – Không khai thác tàu bay có sải cánh đến dưới 65 M (như A350, B787) tại vị trí đỗ 16. – Chỉ khai thác tàu bay có sải cánh đến dưới 36 M (như A321, A320 và tương đương trở xuống) tại vị trí đỗ 16. Operate aircraft at stand 17: – Do not operate aircraft with wingspan up to but not including 65 M (such as A350, B787) at stand 16. – Only operate aircraft with wingspan up to but not including 36 M (such as aircraft A321, A320 and equivalent) at stand 16.
18, 19, 20, 21	Sử dụng cho tàu bay code C và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M và tương đương trở xuống. Used for aircraft code C and equivalent, wingspan up to but not including 36 M.	
1A	Sử dụng cho loại tàu bay có chiều dài thân tối đa 12 M và chiều dài sải cánh tối đa 16 M. Used for aircraft with a fuselage length up to 12 M and wingspan up to 16 M.	
1B, 1C, 1D, 1E, 1F	Sử dụng cho loại tàu bay có chiều dài thân tối đa 9 M và chiều dài sải cánh tối đa 11 M. Used for aircraft with a fuselage length up to 9 M and wingspan up to 11 M.	

2.1.3 Phương thức vận hành tàu bay từ đường cất hạ cánh, đường lăn vào sân đỗ và ngược lại

Ghi chú: Đối với tàu bay khởi hành tại các vị trí đỗ 17, 18, 19, 20, 21 áp dụng phương thức vận hành tàu bay đến 1659 ngày 15/9/2026 theo mục 2.3.2 dưới đây.

2.1.3.1 Đối với tàu bay đến

- Phương thức vận hành: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
- Đường CHC 07:

2.1.3 Aircraft operational procedures from RWY, TWY into apron and vice versa

Note: For aircraft departing from stands 17, 18, 19, 20, 21, the aircraft operational procedures specified in item 2.3.2 below shall apply until 1659 on 15 SEP 2026.

2.1.3.1 For arrival aircraft

- Aircraft operational procedures: Aircraft self-taxi into stand.
- RWY 07:

- Tàu bay sau khi hạ cánh → đầu đường CHC 25 → quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 25 → đường CHC → đường lần N4 → đường lần N → đường lần W3/W4 → Vị trí đỗ; hoặc Tàu bay sau khi hạ cánh → đường lần N4 → đường lần N → đường lần W3/W4 → Vệt lần A → Vị trí đỗ.
- Tàu bay sau khi hạ cánh → đầu đường CHC 25 → quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 25 → đường CHC 07/25 → đường lần N4 → đường lần N → Vị trí đỗ (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 1F); hoặc Tàu bay sau khi hạ cánh → đường lần N4 → đường lần N → Vị trí đỗ (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 1F).

c) Đường CHC 25:

- Tàu bay sau khi hạ cánh → đầu đường CHC 07 → quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 07 → đường CHC 07/25 → đường lần N4 → đường lần N → đường lần W3/W4 → Vị trí đỗ; hoặc Tàu bay sau khi hạ cánh → đường lần N4 → đường lần N → đường lần W3/W4 → Vệt lần A → Vị trí đỗ.
- Tàu bay sau khi hạ cánh → đầu đường CHC 07 → quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 07 → đường CHC 07/25 → đường lần N4 → đường lần N → Vị trí đỗ (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 1F); hoặc Tàu bay sau khi hạ cánh → đường lần N4 → đường lần N → Vị trí đỗ (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 1F).

2.1.3.2 Đối với tàu bay khởi hành

a) Phương thức vận hành:

- Tàu bay đỗ tại các vị trí 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 sử dụng xe kéo đẩy tàu bay ra vệt lần A để nổ máy khởi hành.
- Tàu bay đỗ tại các vị trí đỗ 7, 9, 10: Khi khai thác tàu bay có sải cánh nhỏ hơn 36 m và chiều dài thân nhỏ hơn 40 m mà không có cần kéo đẩy phù hợp thì khai thác tàu bay tại vị trí vạch dừng bánh mũi dành riêng cho tàu bay vận hành theo phương thức tự lăn vào, tự lăn ra qua vị trí đỗ 8 (đối với trường hợp tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 7 và 9) và qua vị trí đỗ 12 (đối với trường hợp tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 10) với các điều kiện hạn chế:
 - + Không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 6 và 8 (đối với trường hợp tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 7);
 - + Không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 8 và 10 (đối với trường hợp tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 9);
 - + Không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 9, 11, 12 (đối với trường hợp tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 10).
 - + Xe và trang thiết bị không được hoạt động, dừng hoặc đỗ trong các khu vực hoặc đường công vụ bị ảnh hưởng từ luồng khí thổi từ động cơ của tàu bay tự lăn ra và phải đảm bảo khoảng cách an toàn đến tàu bay theo quy định.

b) Đường CHC 25

- Tàu bay từ các vị trí đỗ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 → Vệt lần A → đường lần W3/W4 → đường lần N → đường lần N4 → đường CHC 07/25 → quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 25 → cất cánh.
- Tàu bay từ các vị trí đỗ (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 1F) → đường lần N → đường lần N4 → đường CHC 07/25 → quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 25 → cất cánh.

c) Đường CHC 07

- Tàu bay từ các vị trí đỗ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 → Vệt lần A → đường lần W3/W4 → đường lần N → đường lần N4 → đường CHC 07/25 → quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 07 → cất cánh.
- Tàu bay từ các vị trí đỗ (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 1F) → đường lần N → đường lần N4 → đường CHC 07/25 → quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 07 → cất cánh.

- After landing → the beginning of RWY 25 → backtrack at the turn pad area of RWY 25 → RWY → TWY N4 → TWY N → TWY W3/W4 → stand; or After landing → TWY N4 → TWY N → TWY W3/W4 → taxiway A → stand.
- After landing → the beginning of RWY 25 → backtrack at the turn pad area of RWY 25 → RWY 07/25 → TWY N4 → TWY N → stands (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 1F); or After landing → TWY N4 → TWY N → stands (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 1F).

c) RWY 25:

- After landing → the beginning of RWY 07 → backtrack at the turn pad area of RWY 07 → RWY 07/25 → TWY N4 → TWY N → TWY W3/W4 → stand; or After landing → TWY N4 → TWY N → TWY W3/W4 → taxiway A → stand.
- After landing → the beginning of RWY 07 → backtrack at the turn pad area of RWY 07 → RWY 07/25 → TWY N4 → TWY N → stands (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 1F); or After landing → TWY N4 → TWY N → stands (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 1F).

2.1.3.2 For departure aircraft

a) Aircraft operational procedures:

- Aircraft parking at stands 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 are used tow tractor to push aircraft to taxiway A to start up for departure.
- Aircraft parking at stands 7, 9 and 10: When operating aircraft with wingspan up to but not including 36 m and the length up to but not including 40 m without suitable tow bar, operate aircraft at the stop line of the aircraft only used for aircraft following self-taxi in and out procedures cross stand 8 (in case of aircraft parking at stand 7 and 9) and cross stand 12 (in case of aircraft parking at stand 10) with the following conditions:
 - + There is no aircraft parking at stands 6 and 8 (in case of aircraft parking at stand 7).
 - + There is no aircraft parking at stands 8 and 10 (in case of aircraft parking at stand 9).
 - + There is no aircraft parking at stands 9, 11, 12 (in case of aircraft parking at stand 10).
 - + Vehicles and equipments are not allowed to operate, hold or park in the areas and service roads that are affected by the engine gas of self-taxi out aircraft and must ensure the safety distance to aircraft as regulated.

b) RWY 25

- Aircraft from stands 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 → taxiway A → TWY W3/W4 → TWY N → TWY N4 → RWY 07/25 → backtrack at the turn pad area of RWY 25 → for departure.
- Aircraft from stands (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 1F) → TWY N → TWY N4 → RWY 07/25 → backtrack at the turn pad area of RWY 25 → for departure.

c) RWY 07

- Aircraft from stands 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 → taxiway A → TWY W3/W4 → TWY N → TWY N4 → RWY 07/25 → backtrack at the turn pad area of RWY 07 → for departure.
- Aircraft from stands (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 1F) → TWY N → TWY N4 → RWY 07/25 → backtrack at the turn pad area of RWY 07 → for departure.

2.2 Điều chỉnh

2.2.1 PCR của các vị trí đỗ

Tham chiếu AIP Việt Nam, mục VVCI AD 2.8, các trang AD2-VVCI-2-1, AD2-VVCI-4-1, AD2-VVCI-5-1

- Các vị trí đỗ 1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 1F: Bê tông nhựa, PCR 250/F/B/X/U
- Các vị trí đỗ từ 1 đến 9: Bê tông xi măng, PCR 720/R/A/W/U
- Các vị trí đỗ từ 10 đến 18: Bê tông xi măng, PCR 680/R/B/W/U
- Các vị trí đỗ từ 19 đến 21: Bê tông xi măng, PCR 640/R/A/W/U

2.2.2 PCR của đường lăn

Tham chiếu AIP Việt Nam, mục VVCI AD 2.8, các trang AD2-VVCI-2-1, AD2-VVCI-4-1, AD2-VVCI-5-1

Đường lăn W3: PCR 740/R/B/W/U

2.2.3 Hệ số ma sát đường CHC

Tham chiếu AIP Việt Nam, Mục VVCI AD 2.23

2.2 Adjustment

2.2.1 PCR of stands

Refer to AIP Viet Nam, item VVCI AD 2.8, pages AD2-VVCI-2-1, AD2-VVCI-4-1, AD2-VVCI-5-1

- Stands 1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 1F: Bituminous concrete, PCR 250/F/B/X/U
- Stands from 1 to 9: Cement concrete, PCR 720/R/A/W/U
- Stands from 10 to 18: Cement concrete, PCR 680/R/B/W/U
- Stands from 19 to 21: Cement concrete, PCR 640/R/A/W/U

2.2.2 PCR of TWY

Refer to AIP Viet Nam, item VVCI AD 2.8, pages AD2-VVCI-2-1, AD2-VVCI-4-1, AD2-VVCI-5-1

TWY W3: PCR 740/R/B/W/U

2.2.3 RWY friction coefficients

Refer to AIP Viet Nam, Item VVCI AD 2.23

Ký hiệu đường CHC RWY designator	Chiều dài đo (M) Measured length(M)	Hệ số ma sát (μ) Friction coefficients				
		Vị trí đo tính từ tim đường CHC (1.5 M) Measured position from RCL (1.5 M)	Vị trí đo tính từ tim đường CHC (4 M) Measured position from RCL (4 M)	Vị trí đo tính từ tim đường CHC (7 M) Measured position from RCL (7 M)	Vị trí đo tính từ tim đường CHC (11 M) Measured position from RCL (11 M)	Vị trí đo tính từ tim đường CHC (17 M) Measured position from RCL (17 M)
1	2	3	4	5	6	7
07	2500	0.67	0.64	0.73	0.74	0.74
25	2500	0.61	0.62	0.73	0.72	0.75

2.2.4 Điểm HOT SPOT

Tham chiếu AIP Việt Nam, Mục VVCI AD 2.23

Tàu bay lăn tại khu vực sân quay đầu đường CHC 07 cần đặc biệt lưu ý vì vệt lăn chỉ cách lề sân quay 11.5 m.

2.2.5 Vị trí đỗ biệt lập

- Số lượng: 1
- Vị trí đỗ: Sân quay đầu đường CHC 07 - đường lăn N7.

(Chi tiết xem tại trang AIP SUP 33/26-10)

2.2.4 HOT SPOT

Refer to AIP Viet Nam, Item VVCI AD 2.23

Aircraft taxi on the turn pad of RWY 07 should pay attention because of 11.5 m from the edge of turn pad to taxilane.

2.2.5 Isolated stand

- Quantity: 1
- Turn pad area of RWY 07 - TWY N7

(See page AIP SUP 33/26-10 for details)

2.3 Khu vực tiếp tục thi công (đã được phát hành tại AIP SUP 15/25)

2.3.1 Khu vực thi công

NOTAM A1411/26 đã được phát hành để thông báo về nội dung này.

Khu vực 1: Đến 1659 ngày 15/9/2026

Khu vực tiếp giáp với sân đỗ hiện hữu, phía đầu đường của đường CHC 25, ngăn cách bằng hàng rào.

Khi đẩy lùi tàu bay ra vệt lăn và mũi tàu bay quay về hướng Tây, thì luồng khí phụt từ động cơ của tàu bay ảnh hưởng đến hàng rào thi công.

2.3 Continued construction area (has been published in AIP SUP 15/25)

2.3.1 Construction area

NOTAM A1411/26 was issued to announce this information.

Area 1: Until 1659 on 15 SEP 2026

The area is adjacent to the existing apron, toward the beginning of RWY 25, separated by the fence.

When the aircraft are pushed back into taxilane, with its nose facing West, the jet blast from the engines may affect the construction fence.

2.3.2 Phương thức vận hành tàu bay tại các vị trí đỗ 17, 18, 19, 20, 21: Đến 1659 ngày 15/9/2026

Đối với tàu bay khởi hành:

- Đường CHC 07: Tàu bay từ các vị trí đỗ 17, 18 19, 20, 21 được đẩy lùi từ vị trí đỗ ra vệt lăn A (mũi tàu bay quay hướng Đông) → đường lăn W3 → đường lăn N → đường lăn N4 → đường CHC 07 → đường lăn N7, quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 07 → đường CHC 07 → Khởi hành.
- Đường CHC 25: Tàu bay từ các vị trí đỗ 17, 18 19, 20, 21 được đẩy lùi từ vị trí đỗ ra vệt lăn A (mũi tàu bay quay hướng Đông) → đường lăn W3 → đường lăn N → đường lăn N4 → đường CHC 25 → đường lăn N1, quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 25 → đường CHC 25 → Khởi hành.

3 HIỆU LỰC

Tập bổ sung AIP này sẽ có hiệu lực từ 1700 ngày 30/6/2026.

4 HỦY BỎ

Tập bổ sung này sẽ hủy bỏ:

- AIP SUP 15/25
- NOTAM A1411/26

Tập bổ sung AIP này sẽ còn hiệu lực cho đến khi nội dung được đưa vào AIP Việt Nam.

Tập bổ sung AIP này gồm 1 phụ đính như sau:

Sơ đồ sân đỗ/vị trí đỗ tàu bay: Từ 1700 ngày 30/06/2026

- HẾT -

2.3.2 Aircraft operational procedures at stands 17, 18, 19, 20, 21: Until 1659 on 15 SEP 2026

For departure aircraft

- RWY 07: Aircraft from stands 17, 18, 19, 20, 21 are pushed back to taxilane A (the nose of aircraft face East) → TWY W3 → TWY N → TWY N4 → RWY 07 → TWY N7, backtrack at the turn pad area of RWY 07 → RWY 07 → for departure.
- RWY 25: Aircraft from stands 17, 18, 19, 20, 21 are pushed back to taxilane A (the nose of aircraft face East) → TWY W3 → TWY N → TWY N4 → RWY 25 → TWY N1, backtrack at the turn pad area of RWY 25 → RWY 25 → for departure.

3 EFFECT

This AIP Supplement shall become effective from 1700 on 30 JUN 2026.

4 CANCELLATION

This AIP Supplement shall supersede:

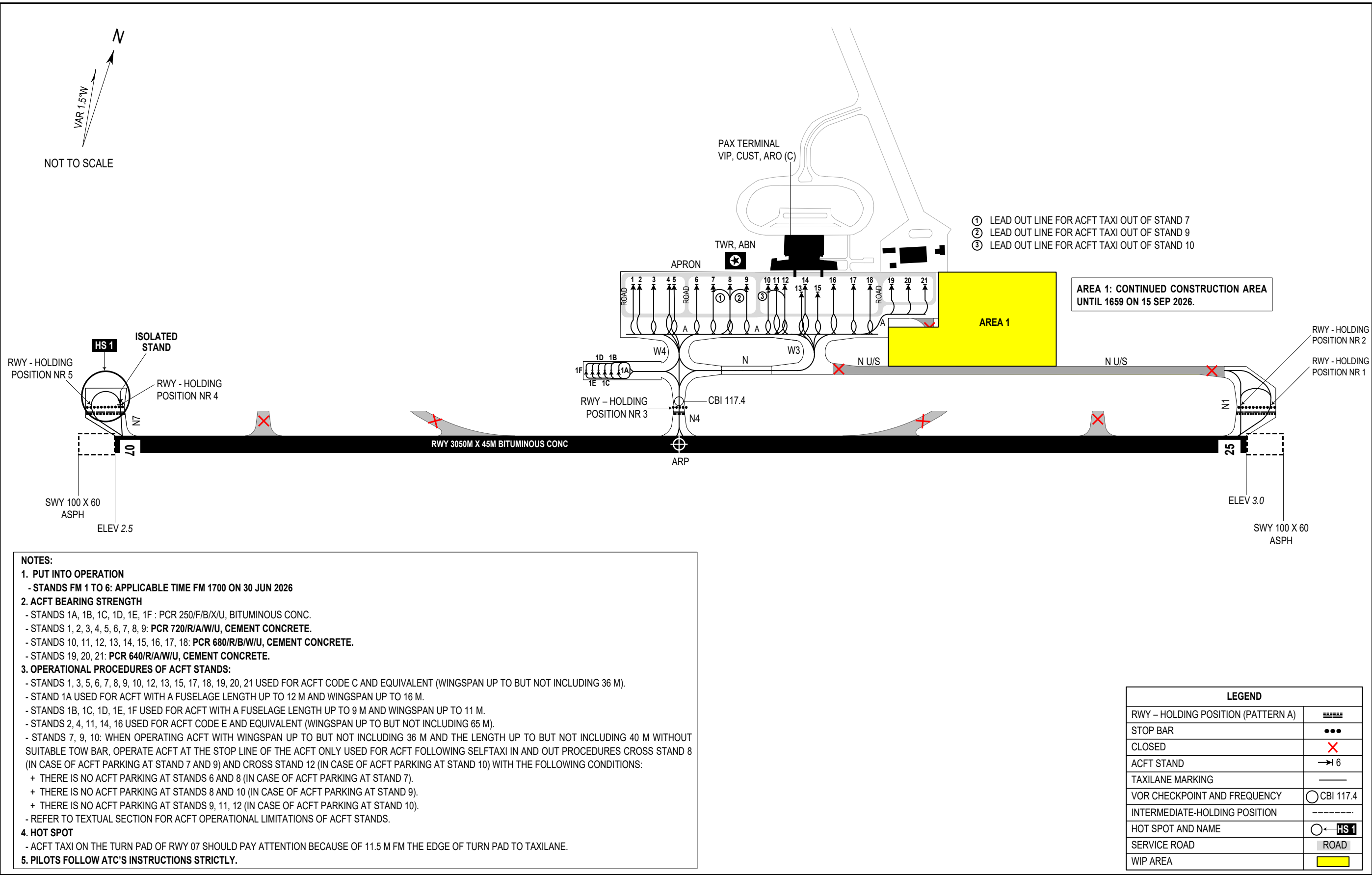
- AIP SUP 15/25
- NOTAM A1411/26

This AIP Supplement shall remain in force until its contents have been incorporated into AIP Viet Nam.

This AIP Supplement consists of 1 attachment as follows:

Layout of Aircraft Parking/Docking Chart: From 1700 on 30 JUN 2026

- END -



CHANGES: PUT INTO OPERATION STANDS FM 1 TO 6; ISOLATED STAND, NOTES.